PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTTTT ngày 17 tháng 4 năm 2017 hợp nhất Quyết định ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 307 + 308)

QUY HOẠCH

Phổ tần số vô tuyến điện quốc gia

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
8100-8195	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG HÀNG HẢI
8195-8815	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145 5.111	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145 5.111 VTN1 VTN19
8815-8965	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
8965-9040	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
9040-9305	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
9305-9355	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị 5.145A	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN1B VTN1
9355-9400	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
9400-9500	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
9500-9900	QUẢNG BÁ 5.147	QUẢNG BÁ 5.147

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
9900-9995	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
9995-10003	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (10000 kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (10000 kHz) 5.111
10003-10005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111
10005-10100	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111
10100-10150	CỐ ĐỊNH Nghiệp dư	CỐ ĐỊNH Nghiệp dư
10150-11175[7]	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không (R) VTN1A
11175-11275	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
11275-11400	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
11400-11600	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
11600-11650	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
11650-12050	QUẢNG BÁ 5.147	QUẢNG BÁ 5.147
12050-12100	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
12100-12230	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
12230-13200	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145 VTN19 VTN1

[7] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
13200-13260	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
13260-13360	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
13360-13410	CỐ ĐỊNH VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
13410-13450	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) VTN1 VTN1A
13450-13550	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) Vô tuyến định vị VTN1B VTN1A
13550-13570	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.150	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.150
13570-13600	QUẢNG BÁ 5.134 5.151	QUẢNG BÁ 5.134 5.151
13600-13800	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
13800-13870	QUẢNG BÁ 5.134 5.151	QUẢNG BÁ 5.134 5.151
13870-14000	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)
14000-14250	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
14250-14350	NGHIỆP DƯ 5.152	NGHIỆP DƯ
14350-14990	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) VTN1A

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14990-15005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (15000 kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (15000 kHz) 5.111
15005-15010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
15010-15100	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
15100-15600	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
15600-15800	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
15800-16100	CỐ ĐỊNH 5.153	CỐ ĐỊNH 5.153
16100-16200	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị 5.145A	CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN1B
16200-16360	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
16360-17410	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.109 5.110 5.132 5.145 VTN19
17410-17480	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
17480-17550	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
17550-17900	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
17900-17970	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
17970-18030	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
18030-18052	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
18052-18068	CỐ ĐỊNH Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH Nghiên cứu Vũ trụ
18068-18168	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.154	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
18168-18780	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không
18780-18900	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI VTN19
18900-19020	QUẢNG BÁ 5.134 5.146	QUẢNG BÁ 5.134 5.146
19020-19680	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
19680-19800	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 VTN19
19800-19990	CỐ ĐỊNH	CỐ ĐỊNH
19990-19995	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ 5.111
19995-20010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20000 kHz) 5.111	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (20000 kHz) 5.111
20010-21000	CỐ ĐỊNH Di động	CỐ ĐỊNH Di động
21000-21450	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
21450-21850	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
21850-21870	CỐ ĐỊNH 5.155A 5.155	CỐ ĐỊNH
21870-21924	CỐ ĐỊNH 5.155B	CỐ ĐỊNH 5.155B
21924-22000	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R)
22000-22855	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.1325.156	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 VTN19
22855-23000	CỐ ĐỊNH 5.156	CỐ ĐỊNH

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
23000-23200	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R) 5.156	CỐ ĐỊNH Di động trừ Di động hàng không (R)
23200-23350	CỐ ĐỊNH 5.156A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)	CỐ ĐỊNH 5.156A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (OR)
23350-24000	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.157	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.157
24000-24450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
24450-24600	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT Vô tuyến định vị VTN1B
24600-24890	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
24890-24990	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
24990-25005	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (25000 kHz)	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN (25000 kHz)
25005-25010	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN Nghiên cứu Vũ trụ
25010-25070	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
25070-25210	DI ĐỘNG HÀNG HẢI	DI ĐỘNG HÀNG HẢI VTN19
25210-25550	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
25550-25670	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149

Tần số (kHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
25670-26100	QUẢNG BÁ	QUẢNG BÁ
26100-26175	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.132 VTN19
26175-26200	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
26200-26350	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị VTN1B
26350-27500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.150

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
27,5-28	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
28-29,7	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
29,7-30,005	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
30,005-30,01	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (nhận dạng vệ tinh) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (nhận dạng vệ tinh) Nghiên cứu Vũ trụ
30,01-37,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
37,5-38,25	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến thiên văn 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149
38,25-39,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
39,5-39,986	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.132A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VTN1B
39,986-40	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.132A Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VTN1B Nghiên cứu Vũ trụ
40-40,02	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ
40,02-40,98	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.150
40,98-41,015	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.160 5.161	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
41,015-42	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.160 5.161 5.161A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
42-42,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.161	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG

Tần số (MHz)	**Phân chia của Khu vực 3**	**Phân chia của Việt Nam**
42,5-44	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.160 5.161 5.161A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
44-47	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.162 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
47-50	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ
50-54[8]	NGHIỆP DƯ 5.162A 5.167 5.167A 5.168 5.170	NGHIỆP DƯ Cố định VTN3 5.167A
54-68[9]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ 5.162A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VTN3A
68-74,8	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149 5.176 5.179	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.149
74,8-75,2	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.180 5.181	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.180
75,2-75,4	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.179	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG

[8 9] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
75,4-87	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.182 5.183 5.188	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VTN4
87-100[10]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VTN3A
100-108[11]	QUẢNG BÁ 5.192 5.194	QUẢNG BÁ VTN3A
108-117,975	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.197 5.197A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.197A
117,975-137	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.200 5.201 5.202	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.111 5.200 VTN5
137-137,025	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208

[10] [11] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
137,025-137,175	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
137,175-137,825	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Cố định Di động trừ Di động hàng không (R) 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
137,825-138	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A Di động trừ Di động hàng không (R) Cố định 5.204 5.205 5.206 5.207 5.208	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A Di động trừ Di động hàng không (R) 5.208
138-143,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
143,6-143,65	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
143,65-144	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.207 5.213	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
144-146	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.216	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
146-148	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIỆP DƯ 5.217	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiệp dư

Tần số (MHz)	**Phân chia của Khu vực 3**	**Phân chia của Việt Nam**
148-149,9	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.218 5.219 5.221	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.218 5.219 5.221
149,9- 150,05[12]	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220
150,05-154	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.225	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
154-156,4875[13]	CỐ ĐỊNH DI DỘNG 5.225A 5.226	DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.225A 5.226 VTN1 VTN5B VTN5C VTN20
156,4875- 156,5625	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (cứu nạn và gọi qua gọi chọn số DSC) 5.111 5.226 5.227	DI ĐỘNG HÀNG HẢI 5.111 5.226 VTN5A VTN20

[12] [13] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
156,5625-156,7625[14]	DI ĐỘNG CỐ ĐỊNH 5.225 5.226	DI ĐỘNG Cố định 5.226 VTN5B VTN20
156,7625-156,7875	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228VTN20
156,7875-156,8125	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (Cứu nạn và gọi) 5.111 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI (Cứu nạn và gọi) 5.111 5.226 VTN20
156,8125-156,8375	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.226 5.228	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.111 5.2265.228 VTN20
156,8375-161,9375[15]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 VTN1 VTN5B VTN20
161,9375-161,9625[16]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226 VTN5B VNT20

[14] [15] [16] [17] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
161,9625-161,9875	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226 VTN20
161,9875-162,0125[17]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động hàng hải qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228AA 5.226 VTN5B VNT20
162,0125-162,0375	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226	DI ĐỘNG HÀNG HẢI Di động hàng không (OR) 5.228E Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.228F 5.226 VTN20
162,0375-174[18]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 5.230 5.231	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.226 5.230 5.231 VTN5B VTN20
174-223	QUẢNG BÁ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.233 5.238 5.240 5.245	QUẢNG BÁ Cố định Di động

[18] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
223-230	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến định vị 5.250	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến định vị
230-235	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.250	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
235-267	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.111 5.252 5.254 5.256 5.256A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.111 5.254 5.256
267-272	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254 5.257	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254 5.257
272-273	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.254
273-312	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
312-315	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.254 5.255	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.254 5.255
315-322	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
322-328,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến thiên văn 5.149
328,6-335,4	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.258 5.259	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.258
335,4-387	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
387-390	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.254 5.255 5.208B	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.254 5.255 5.208B
390-399,9	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.254
399,9-400,05[19]	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.209 5.220

[19] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
400,05-400,15	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN QUA VỆ TINH (400,1 MHz) 5.261 5.262	TẦN SỐ CHUẨN VÀ TÍN HIỆU THỜI GIAN QUA VỆ TINH (400,1 MHz) 5.261
400,15-401	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.263 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ đến Trái đất) 5.262 5.264	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208A 5.209 5.347A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.263 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.264
401-402	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cố định Di động trừ Di động hàng không	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cố định Di động trừ Di động hàng không
402-403	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cố định Di động trừ Di động hàng không	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Cố định Di động trừ Di động hàng không

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
403-406[20]	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.265	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.265 VTN22
406-406,1[21]	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.265 5.266 5.267	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.265 5.266 5.267 VTN22
406,1-410[22]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.625	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến thiên văn 5.149 5.625 VTN22
410-420[23]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.268	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.268
420-430	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.269 5.270 5.271	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị
430-432	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.271 5.276 5.278 5.279	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiệp dư

[20] [21] [22] [23] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
432-438	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A 5.271 5.276 5.278 5.279 5.281 5.282	432-435 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A 5.282
		435-438 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH Nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.279A Di động 5.282
438-440	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.271 5.276 5.278 5.279	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiệp dư
440-450	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.269 5.270 5.271 5.284 5.285 5.286	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.286
450-455	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286 5.286A 5.286B 5.286C 5.286D 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VTN6A 5.209 5.286 5.286A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
455-456	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286A 5.286B 5.286C 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VTN6A 5.209 5.286A
456-459[24]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA 5.271 5.287 5.288	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.287 VTN6A
459-460	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.209 5.271 5.286A 5.286B 5.286C 5.286E	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VTN6A 5.209 5.286A
460-470[25]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.287 5.288 5.289 5.290	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.286AA Khí tượng qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.287 5.288 5.289 5.290 VTN6A
470-585[26]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A QUẢNG BÁ 5.291 5.298	QUẢNG BÁ Cố định Di động 5.291
585-610[27]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A QUẢNG BÁ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.149 5.305 5.306 5.307	QUẢNG BÁ Cố định Di động Vô tuyến dẫn đường 5.149 5.305 5.306
610-890[28]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.296A 5.313A 5.317A	610-694

[24] [25] [26] [27] [28] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	QUẢNG BÁ 5.149 5.305 5.306 5.307 5.311A 5.320	QUẢNG BÁ Cố định Di động 5.149 5.305 5.306 5.311A 5.320
		694-806 CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.313A 5.317A QUẢNG BÁ 5.149 5.306 5.311A 5.320 VTN7 VTN8B
		806-824 CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.317A Quảng bá 5.149 5.306 5.311A 5.320 VTN8 VTN8B
		824-890 CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.317A 5.149 5.306 5.311A 5.320 VTN8 VTN8B
890-942	DI ĐỘNG 5.317A CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ Vô tuyến định vị 5.327	890-915 DI ĐỘNG 5.317A Cố định Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B
		915-935 DI ĐỘNG 5.317A CỐ ĐỊNH Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
		935-942 DI ĐỘNG 5.317A Cố định Vô tuyến định vị VTN8 VTN8B
942-960	DI ĐỘNG 5.317A CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ 5.320	DI ĐỘNG 5.317A Cố định VTN8 VTN8B 5.320
960-1164[29]	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.327A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 5.328AA	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.327A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 5.238AA VTN8A
1164-1215	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.328A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.328 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.328A
1215-1240	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

[29] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	(chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.330 5.331 5.332	(chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.331 5.332
1240-1300	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Nghiệp dư 5.282 5.330 5.331 5.332 5.335 5.335A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.329 5.329A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Nghiệp dư 5.282 5.331 5.332 5.335A
1300-1350	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.337A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.337A
1350-1400	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.338A 5.149 5.334 5.339	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.338A 5.149 5.339
1400-1427	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1427-1429[30]	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341C 5.338A 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341C Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A 5.341 VTN9
1429-1452[31]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.431C 5.343 5.338A 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.431C 5.338A 5.341 VTN9
1452-1492[32]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.343 5.346A QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.341 5.344 5.345	CỐ ĐỊNH QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B DI ĐỘNG 5.346A 5.341 5.345 VTN9
1492-1518[33]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.341C 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.341C 5.341 VTN9
1518-1525	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.348 5.348A 5.348B 5.531A DI ĐỘNG 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.348 5.348A 5.348B 5.531A Di động 5.341
1525-1530	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) CỐ ĐỊNH

[30] [31] [32] [33] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Di động 5.349 5.341 5.351 5.352A 5.354	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Di động 5.341 5.351 5.352A 5.354
1530-1535	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.353A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Cố định Di động 5.343 5.341 5.351 5.354	KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.353A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Cố định Di động 5.341 5.351 5.354
1535-1559	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.355 5.356 5.357 5.357A 5.359 5.362A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.356 5.357 5.357A
1559-1610[34]	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.208B 5.328B 5.329A 5.341	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.208B 5.328B 5.329A 5.341

[34] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1610-1610,6	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.355 5.359 5.364 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.341 5.364 5.366 5.367 5.368 5.372
1610,6-1613,8	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.341 5.355 5.359 5.364 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.149 5.341 5.364 5.366 5.367 5.368 5.372
1613,8-1626,5	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.341 5.355 5.359 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.369 5.372	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Vô tuyến xác định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.208B 5.341 5.364 5.365 5.366 5.367 5.368 5.372

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1626,5-1660	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.355 5.357A 5.359 5.362A 5.374 5.375 5.376	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.341 5.351 5.353A 5.354 5.357A 5.374 5.375 5.376
1660-1660,5	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.351 5.354 5.362A 5.376A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.351 5.354 5.376A
1660,5-1668	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379 5.379A	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379A
1668-1668,4	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379 5.379A	DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149 5.341 5.379A

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1668,4-1670	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.379D 5.379E	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.348C 5.379B 5.379C 5.351A VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341 5.379D 5.379E
1670-1675	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.379B 5.351A 5.341 5.379D 5.379E 5.380A	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.379B 5.351A 5.341 5.379D 5.379E 5.380A
1675-1690	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.341
1690-1700	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341 5.381	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
1700-1710	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341 5.384	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.289 5.341
1710-1930	DI ĐỘNG 5.384A 5.388A 5.388B CỐ ĐỊNH 5.149 5.341 5.385 5.386 5.387 5.388	DI ĐỘNG 5.384A 5.388A 5.388B Cố định VTN8 VTN9 5.149 5.341 5.385 5.388
1930-1970	DI ĐỘNG 5.388A 5.388B CỐ ĐỊNH 5.388	DI ĐỘNG 5.388A 5.388B Cố định VTN9 5.388
1970-1980	DI ĐỘNG 5.388A 5.388B CỐ ĐỊNH 5.388	DI ĐỘNG 5.388A 5.388B Cố định VTN9 5.388
1980-2010[35]	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A CỐ ĐỊNH 5.388 5.389A 5.389B 5.389F	DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A Cố định 5.388 5.389A VTN9
2010-2025	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B 5.388

[35] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2025-2110	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 Khai thác Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392
2110-2120	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VTN9 5.388
2120-2160	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B VTN9 5.388
2160-2170	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B 5.388	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.388A 5.388B VTN9 5.388

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2170-2200[36]	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A CỐ ĐỊNH 5.388 5.389A 5.389B 5.389F	DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A Cố định 5.388 5.389A VTN9
2200-2290	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.391 KHAI THÁC VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.392
2290-2300	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
2300-2450[37]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.384A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.150 5.282 5.393 5.394 5.396	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.384A Vô tuyến định vị Nghiệp dư VTN9 VTN11 5.150 5.282 5.396

[36] [37] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2450-2483,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.150	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị VTN11 5.150
2483,5-2500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN XÁC ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.398 5.150 5.401 5.402	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN XÁC ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.398 5.150 5.401 5.402
2500-2520[38]	CỐ ĐỊNH 5.410 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A 5.407 5.414 5.414A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A 5.404 5.415A	CỐ ĐỊNH 5.410 Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.351A 5.414 5.414A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A VTN9
2520-2535[39]	CỐ ĐỊNH 5.410 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.413 5.416 5.403 5.415A 5.414A	CỐ ĐỊNH 5.410 Cố định qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Quảng bá qua vệ tinh 5.413 5.416 VTN9 5.403

[38] [39] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
2535-2655[40]	CỐ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.413 5.416 5.339 5.418 5.418A 5.418B 5.418C	CỐ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Quảng bá qua vệ tinh 5.413 5.416 5.339 5.418A 5.418B 5.418C VTN9
2655-2670[41]	CỐ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.413 5.416 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149 5.420	CỐ ĐỊNH 5.410 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 Quảng bá qua vệ tinh 5.208B 5.413 5.416 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động) Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) VTN9 5.149 5.420
2670-2690[42]	CỐ ĐỊNH 5.410 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.419 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động)	CỐ ĐỊNH 5.410 Cố định qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.415 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.384A Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.351A 5.419 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (thụ động)

[40] [41] [42] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149	Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) VTN9 5.149
2690-2700	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.422	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) VTN15 5.340
2700-2900	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 Vô tuyến định vị 5.423 5.424	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 Vô tuyến định vị 5.423
2900-3100	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.426 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.424A 5.425 5.427	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.426 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.424A 5.425 5.427
3100-3300	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) 5.149 5.428	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ (chủ động) 5.149
3300-3400[43]	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.149 5.429 5.429E 5.429F	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.429F 5.149 VTN15A
3400-3500[44]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

[43] [44] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	CỐ ĐỊNH Nghiệp dư Di động 5.432 5.432B Vô tuyến định vị 5.433 5.282 5.432A	CỐ ĐỊNH Nghiệp dư Di động 5.432B Vô tuyến định vị 5.433 5.282 5.432A VTN16
3500-3600[45]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.433A Vô tuyến định vị 5.433	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.433A Vô tuyến định vị 5.433 VTN16
3600-3700[46]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị 5.435	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị VTN16
3700-4200	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
4200-4400[47]	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.436 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.438 5.437 5.439 5.440	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.436 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.438 5.437 5.440

[45] [46] [47] [48] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
4400-4500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.440A	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
4500-4800	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.440A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG
4800-4990[48]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.442 5.440A 5.441B Vô tuyến thiên văn 5.149 5.339 5.443	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.442 5.441B Vô tuyến thiên văn 5.149 5.339 VTN18
4990-5000	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.149
5000-5010	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
5010-5030	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.443B	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Vũ trụ tới Vũ trụ) 5.328B 5.443B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5030 -5091[49]	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.443C DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443D VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444	DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG (R) 5.443C DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443D VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444 VTN21
5091 -5150[50]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.444A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG 5.444B DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.444A DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG 5.444B DI ĐỘNG HÀNG KHÔNG QUA VỆ TINH (R) 5.443AA VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.444
5150-5250	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.447A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.446B 5.446 5.447 5.447B 5.447C 5.446C	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.447A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.446B 5.446 5.447B 5.447C

[49] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[50] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5250-5255	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.447D DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.447F 5.447E 5.448 5.448A	CỐ ĐỊNH VTN13 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.447D DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.447F 5.447E 5.448A
5255-5350	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.447F THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.447E 5.448 5.448A	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.447F THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.447E 5.448A
5350-5460	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.448C THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.448B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.449 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D	NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.448C THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.448B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.449 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D
5460-5470	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.449 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D 5.448B	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.449 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.448D 5.448B

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
5470-5570	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.448B 5.450 5.451	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.448B
5570-5650	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.450 5.451 5.452	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.450B 5.452
5650-5725	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) 5.282 5.451 5.453 5.454 5.455	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN14 5.446A 5.450A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) 5.282 5.453
5725-5830	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.150 5.453 5.455	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG VTN14 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.150 5.453
5830-5850	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh	CỐ ĐỊNH VTN13 DI ĐỘNG VTN14 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	(chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.150 5.453 5.455	Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.150 5.453
5850-5925	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị 5.150	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị 5.150
5925-6700[51]	CỐ ĐỊNH 5.457 CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.468 5.457B DI ĐỘNG 5.457C 5.149 5.440 5.458	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B DI ĐỘNG 5.149 5.440 5.458 VTN16
6700-7075[52]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.458 5.458A 5.458B	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG 5.458 5.458A 5.458B VTN16
7075-7145	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458 5.459	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458

[51 52] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
7145-7190[53]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.458 5.459	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.458
7190-7235[54]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A 5.460B CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460 5.548 5.459	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A 5.460B CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460 5.458
7235-7250[55]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.460A CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG 5.458
7250-7300	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG 5.461	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG 5.461
7300-7375[56]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

[53 54 55 56] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.461	DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.461
7375-7450[57]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB
7450-7550[58]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB 5.461A
7550-7750[59]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không DI ĐỘNG HÀNG HẢI QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461AA 5.461AB

[57] [58] [59] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
7750-7900	CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.461B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không
7900-8025	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.461	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.461
8025-8175[60]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ đến Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23
8175-8215[61]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) KHÍ TƯỢNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23

[60] [61] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
8215-8400[62]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG 5.463 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.462A VTN23
8400-8500	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.465 5.466	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.465
8500-8550	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.468 5.469	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
8550-8650	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (tích cực) 5.468 5.469 5.469A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (tích cực) 5.469A
8650-8750	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.468 5.469	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
8750-8850	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.470 5.471	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.470
8850-9000	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.473	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472

[62] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
9000-9200	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.471 5.473A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.337 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.473A
9200-9300[63]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.473 5.474 5.474D	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG HẢI 5.472 5.474 5.474D
9300-9500	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.476 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.427 5.474 5.475 5.475B 5.476A 5.475A	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.476 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.427 5.474 5.475 5.475B 5.476A 5.475A
9500-9800	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.476A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.476A

[63] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (MHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
9800-9900	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ Cố định 5.477 5.478 5.478A 5.478B	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) Nghiên cứu Vũ trụ Cố định 5.478A 5.478B
9900 -10000[64]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.477 5.474D 5.478 5.479	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.479 5.474D

[64] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
10-10,4[65]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.479 5.474D	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.474A 5.474B 5.474C CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư 5.479 5.474D
10,4-10,45[66]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư
10,45-10,5	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh 5.481	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh
10,5-10,55	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
10,55-10,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Vô tuyến định vị
10,6-10,68	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Vô tuyến định vị 5.149 5.482 5.482A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Vô tuyến định vị 5.149 5.482 5.482A

[65] [66] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
10,68-10,7	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.483	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
10,7-10,95[67]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 5.484A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VTN16
10,95-11,2[68]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	
11,2-11,45[69]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.441 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	
11,45-11,7[70]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không	
11,7-12,2	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.487 5.487A 5.492	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.487 5.487A 5.492

[67 68 69 70] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
12,2-12,5[71]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.487 5.484A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ 5.487
12,5-12,75[72]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.493	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A DI ĐỘNG trừ Di động hàng không QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.493
12,75-13,25	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.441 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.441 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VTN16
13,25-13,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.497 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.498A 5.499	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.497 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.498A

[71] [72] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
13,4-13,65[73]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.499C 5.499D Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.499 5.500 5.501 5.501B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.499C 5.499D Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.501B
13,65-13,75[74]	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.501A Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.499 5.500 5.501 5.501B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ 5.501A Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.501B
13,75-14	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ 5.499 5.500 5.501 5.502 5.503	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Nghiên cứu Vũ trụ VTN16 5.502 5.503

[73] [74] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14-14,25[75]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.484B 5.506 5.506B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.504C 5.506A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.504C 5.506A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505
14,25-14,3[76]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.506 5.506B 5.484B VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.508A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A 5.505 5.508	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.504 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.506A 5.508A Nghiên cứu Vũ trụ 5.504A VTN16

[75] [76] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14,3-14,4[77]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 5.506B 5.484B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh 5.504A	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.506A 5.509A Vô tuyến dẫn đường qua vệ tinh 5.504A VTN16
14,4-14,47[78]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.484B 5.506 5.506B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.504A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.506A 5.509A Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.504A

[77] [78] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
14,47-14,5[79]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.457B 5.484A 5.506 5.506B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến thiên văn 5.149 5.504A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.457A 5.484A 5.506 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.504B 5.506A 5.509A Vô tuyến thiên văn 5.149 5.504A VTN16
14,5-14,8[80]	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.509B 5.509C 5.509D 5.509E 5.509F 5.510 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.509G	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.509B 5.509C 5.509D 5.509E 5.509F 5.510 DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.509G
14,8-15,35	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.339	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Nghiên cứu Vũ trụ 5.339
15,35-15,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.511	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340

[79] [80] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
15,4-15,43[81]	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
15,43-15,63[82]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.511A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511C	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.511A VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG 5.511C
15,63-15,7[83]	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.511E 5.511F VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
15,7-16,6	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
16,6-17,1	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
17,1-17,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.512 5.513	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
17,2-17,3	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.512 5.513 5.513A	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.513A

[81] [82] [83] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
17,3-17,7	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 Vô tuyến định vị 5.514	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 Vô tuyến định vị
17,7-18,1	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516 (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A DI ĐỘNG
18,1-18,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.520 (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B DI ĐỘNG 5.519 5.521	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.520 (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B DI ĐỘNG 5.519
18,4-18,6	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B DI ĐỘNG
18,6-18,8	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.522B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.522A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.522B DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) Nghiên cứu Vũ trụ (thụ động) 5.522A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
18,8-19,3	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.523A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B 5.523A DI ĐỘNG
19,3-19,7	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.523B 5.523C 5.523D 5.523E DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.523B 5.523C 5.523D 5.523E DI ĐỘNG
19,7-20,1[84]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B 5.527A 5.516B Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.527A Di động qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524
20,1-20,2[85]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.484B 5.516B 5.527A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524 5.525 5.526 5.527 5.528	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.484A 5.516B 5.527A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524 5.525 5.526 5.527 5.528
20,2-21,2	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

[84] [85] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.524	Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
21,2-21,4	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
21,4-22[86]	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.530A 5.530B 5.530D 5.531	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH 5.208B 5.530A
22-22,21	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.149
22,21-22,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.532	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.532

[86] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
22,5-22,55	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
22,55-23,15	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532A 5.149	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532A 5.149
23,15-23,55	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.338A DI ĐỘNG
23,55-23,6	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG
23,6-24	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
24-24,05	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.150	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH 5.150
24,05-24,25	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.150	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chủ động) 5.150
24,25-24,45	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
24,45-24,65	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.533	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.533
24,65-24,75	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532B GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.533	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.532B GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.533
24,75-25,25	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.535 DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.535
25,25-25,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
25,5-27	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536A 5.536B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536A 5.536C Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536A 5.536B NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.536A Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
27-27,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 5.537	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG GIỮA CÁC VỆ TINH 5.536 5.537
27,5-28,5	CỐ ĐỊNH 5.537A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.539 DI ĐỘNG 5.538 5.540	CỐ ĐỊNH 5.537A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.539 DI ĐỘNG 5.538 5.540
28,5-29,1	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.523A 5.539 DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.523A 5.539 DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540
29,1-29,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.523C 5.523E 5.535A 5.539 5.541A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.523C 5.523E 5.535A 5.539 5.541A DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.540

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
29,5-29,9[87]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.484B 5.516B 5.527A 5.539 Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.540 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.539 5.527A Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.540 5.542
29,9-30[88]	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.484B 5.516B 5.527A 5.539 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.543 5.525 5.526 5.527 5.538 5.540 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.484A 5.516B 5.539 5.527A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.541 5.543 5.525 5.526 5.527 5.538 5.540 5.542
30-31	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.542	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

[87] [88] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
31-31,3	CỐ ĐỊNH 5.543A 5.338A DI ĐỘNG Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Nghiên cứu Vũ trụ 5.544 5.545 5.149	CỐ ĐỊNH 5.543A 5.338A DI ĐỘNG Tần số chuẩn và tín hiệu thời gian qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Nghiên cứu Vũ trụ 5.544 5.149
31,3-31,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
31,5-31,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) Cố định Di động trừ Di động hàng không 5.149
31,8-32	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.547B 5.548	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.548
32-32,3	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	(không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.547C 5.548	(không gian xa) (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547 5.548
32,3-33	CỐ ĐỊNH 5.547A GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.547D 5.548	CỐ ĐỊNH 5.547A GIỮA CÁC VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.548
33-33,4	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547 5.547E	CỐ ĐỊNH 5.547A VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG 5.547
33,4-34,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
34,2-34,7	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (không gian xa) (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
34,7-35,2	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ 5.550 5.549	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiên cứu Vũ trụ
35,2-35,5	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.549	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
35,5-36	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.549 5.549A	TRỢ GIÚP KHÍ TƯỢNG THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) 5.549A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
36-37	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.550A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.149 5.550A
37-37,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547
37,5-38	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG trừ Di động hàng không NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547
38-39,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547
39,5-40	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547	DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.547
40-40,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
40,5-41	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH QUẢNG BÁ Di động 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH QUẢNG BÁ Di động 5.547
41-42,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B QUẢNG BÁ	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.516B QUẢNG BÁ

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Di động 5.547 5.551F 5.551H 5.551I	QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Di động 5.547 5.551H 5.551I
42,5-43,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.547	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG trừ Di động hàng không VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.547
43,5-47	DI ĐỘNG 5.553 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554	DI ĐỘNG 5.553 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554
47-47,2	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH
47,2-47,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG 5.552A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG 5.552A
47,5-47,9	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG
47,9-48,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG 5.552A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.552 DI ĐỘNG 5.552A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
48,2-50,2	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.552 5.338A DI ĐỘNG 5.149 5.340 5.555	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.516B 5.552 5.338A DI ĐỘNG 5.149 5.340 5.555
50,2-50,4	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
50,4-51,4	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.338A DI ĐỘNG Di động qua vệ tinh (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)
51,4-52,6	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG 5.547 5.556	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG 5.547 5.556
52,6-54,25	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.556	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.556
54,25-55,78	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.556B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
55,78-56,9	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH 5.557A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH 5.557A GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547
56,9-57	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.558A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.558A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547
57-58,2	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.557	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547
58,2-59	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.556	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.547 5.556

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
59-59,3	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH 5.556A DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
59,3-64	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 5.138	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559 5.138
64-65	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.547 5.556	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không 5.547 5.556
65-66	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH 5.547	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG trừ Di động hàng không CỐ ĐỊNH 5.547
66-71	GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.553 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG	GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.553 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.554
71-74	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
74-76	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.561	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUẢNG BÁ QUẢNG BÁ QUA VỆ TINH Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.561
76-77,5	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149
77,5-78[89]	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559B	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.559B

[89] Quy định phân chia băng tần này theo các nghiệp vụ được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149
78-79	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.560	VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Vô tuyến thiên văn Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.560
79-81	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149
81-84	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.561A	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN Nghiên cứu Vũ trụ (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) 5.149 5.561A

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
84-86	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.561B DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149	CỐ ĐỊNH 5.338A CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) 5.561B DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149
86-92	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
92-94	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH 5.338A DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149
94-94,1	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Vô tuyến thiên văn 5.562 5.562A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (chủ động) Vô tuyến thiên văn 5.562 5.562A
94,1-95	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
95-100	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149 5.554	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149 5.554
100-102	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341
102-105	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341
105-109,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
109,5-111,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
111,8-114,25	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
114,25-116	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341
116-119,98	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.341
119,98-122,25	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.138 5.341	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562C NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.138 5.341
122,25-123	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 Nghiệp dư 5.138	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 Nghiệp dư 5.138

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
123-130	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.562D 5.149 5.554	CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149 5.554
130-134	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.562E CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.562A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (chủ động) 5.562E CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.562A
134-136	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn
136-141	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh 5.149
141-148,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
148,5-151,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
151,5-155,5	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ 5.149
155,5-158,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) 5.562F CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.562G	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) 5.562F CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.562G
158,5-164	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)
164-167	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
167-174,5	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 5.149 5.562D	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 5.149
174,5-174,8	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558
174,8-182	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
182-185	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
185-190	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) GIỮA CÁC VỆ TINH 5.562H NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động)
190-191,8	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
191,8-200	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.341 5.554	CỐ ĐỊNH GIỮA CÁC VỆ TINH DI ĐỘNG 5.558 DI ĐỘNG QUA VỆ TINH VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.341 5.554
200-202	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A
202-209	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.341 5.563A
209-217	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.341
217-226	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.562B 5.149 5.341
226-231,5	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340
231,5-232	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG Vô tuyến định vị
232-235	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG Vô tuyến định vị
235-238	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.563A 5.563B	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.563A 5.563B
238-240	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH	VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH
240-241	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ
241-248	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149	VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghiệp dư Nghiệp dư qua vệ tinh 5.138 5.149
248-250	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149	NGHIỆP DƯ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH Vô tuyến thiên văn 5.149
250-252	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.563A	THĂM DÒ TRÁI ĐẤT QUA VỆ TINH (thụ động) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN NGHIÊN CỨU VŨ TRỤ (thụ động) 5.340 5.563A
252-265	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.554	CỐ ĐỊNH DI ĐỘNG DI ĐỘNG QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) VÔ TUYẾN THIÊN VĂN VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG VÔ TUYẾN DẪN ĐƯỜNG QUA VỆ TINH 5.149 5.554

Tần số (GHz)	Phân chia của Khu vực 3	Phân chia của Việt Nam
265-275	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.563A	CỐ ĐỊNH CỐ ĐỊNH QUA VỆ TINH (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ) DI ĐỘNG VÔ TUYẾN THIÊN VĂN 5.149 5.563A
275-3000	(Chưa được phân chia) 5.565	(Chưa được phân chia) 5.565

2. Các chú thích của Việt Nam

VTN1 Các kênh tần số 7903 kHz được dành riêng cho chức năng gọi, cứu nạn và trực canh cấp cứu hàng hải quốc gia, tần số 7906 kHz, 8294 kHz, 13434 kHz và 161,500 MHz được dành cho thông tin an toàn, sử dụng phương thức thoại. Các kênh tần số 6973 kHz, 9339 kHz được sử dụng để liên lạc giữa Đồn Biên phòng và tàu thuyền. Các kênh tần số 12251 kHz/13098 kHz (tàu/bờ), 156,425 MHz để liên lạc giữa Đài canh dân sự Hải quân và tàu thuyền. Việc khai thác, sử dụng các kênh tần số này phải tuân thủ quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nghiêm cấm sử dụng sai mục đích và gây nhiễu trên các kênh tần số này.

VTN1A[90] Các hệ thống thông tin vô tuyến điện dành cho phương tiện nghề cá và đài bờ liên lạc với các phương tiện nghề cá được sử dụng các băng tần 4438-4538 kHz, 5250-5350 kHz, 7100-7200 kHz, 7900-8100 kHz, 10745,5-10949,5 kHz, 13410-13510 kHz, 14350-14450 kHz. Cơ quan quản lý xác định các đoạn băng tần và các điều kiện sử dụng cụ thể để phù hợp với thực tế.

VTN1B[91] Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị chỉ giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động tuân theo Nghị quyết **612** (Rev. WRC-15).

[90] [91] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

VTN3 Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý, các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định đang khai thác trong băng tần 50-54 MHz phải ngừng hoạt động để ưu tiên dành băng tần cho nghiệp vụ chính được phân chia băng tần này.

VTN3A[92] Băng tần 54-68 MHz được ưu tiên sử dụng cho các đài truyền thanh không dây tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động trong băng tần này không được gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu có hại từ các đài truyền thanh không dây. Không triển khai hệ thống truyền thanh không dây trên băng tần 87-108 MHz.

VTN4 Tại Tam Đảo, máy phát hình của Đài Truyền hình Việt Nam được phép duy trì sử dụng tần số kênh 3 theo tiêu chuẩn PAL D/K OIRTvà phải ngừng phát sóng theo kế hoạch số hóa của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

VTN5 Băng tần 132-137 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động hàng không (OR) là nghiệp vụ chính. Khi ấn định tần số cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (OR), cơ quan quản lý tần số phải chú ý đến các tần số được ấn định cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng không (R).

VTN5A *Phân chia bổ sung:* các băng tần 156,4875-156,5125 MHz và 156,5375-156,5625 MHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Di động mặt đất làm nghiệp vụ chính, nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ phụ. Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất trong băng tần này không được gây can nhiễu có hại cho hoặc kháng nghị nhiễu đến từ các hệ thống thông tin VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải.

---

[92] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

VTN5B[93] Các băng tần 156-156,4875MHz, 156,5625-156,7625MHz, 156,8375-157,4375MHz, 160,6-160,975MHz, 161,475-161,9625MHz, 161,9875-162,0125MHz, 162,0375-162,05MHz được ưu tiên sử dụng cho hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải. Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định và Di động mặt đất trong băng tần này không được gây nhiễu có hại cho hoặc kháng nghị nhiễu từ các hệ thống thông tin VHF thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải sử dụng các băng tần này.

VTN5C[94] Không triển khai mới hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động sử dụng băng tần 154-156,4875 MHz. Hệ thống vô tuyến thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động đang sử dụng băng tần này không được gây nhiễu có hại và kháng nghị nhiễu từ hệ thống thông tin thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị.

VTN6A[95] Băng tần 450-470 MHz được xác định cho các hệ thống thông tin di động IMT. Hệ thống thông tin vô tuyến điện băng hẹp (băng thông BW ≤ 25 kHz) phục vụ mục đích kinh tế - xã hội trong băng tần này được sử dụng tạm thời đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022 và phải chuyển đổi sử dụng băng tần khác theo thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải giới hạn sử dụng cho các đài liên lạc trên boong, không được gây nhiễu có hại hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động mặt đất.

---

[93] Chú thích này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[94 96] Chú thích này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[95] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

VTN7[96] Băng tần 694-806 MHz sẽ được sử dụng cho các hệ thống thông tin di động IMT. Các tổ chức, cá nhân hiện đang sử dụng các hệ thống vô tuyến điện hoạt động trong băng tần 694-806 MHz phải có kế hoạch chuyển đổi. Hệ thống truyền hình mặt đất được sử dụng băng tần 694-806 MHz đến hết năm 2020. Trong trường hợp triển khai hệ thống IMT trên băng tần 694-806 MHz trước năm 2020 tại một số khu vực, hệ thống thông tin di động không gây nhiễu có hại cho hệ thống truyền hình mặt đất hoạt động hợp pháp.

VTN7A[97] ***(được bãi bỏ)***

VTN7B[98] ***(được bãi bỏ)***

VTN8[99] Các băng tần 806-845 MHz, 851-915 MHz, 925-960 MHz, 1710-1785 MHz và 1805-1880 MHz được dành cho các hệ thống thông tin di động IMT. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý sẽ điều chỉnh các đoạn băng tần cụ thể trong các quy hoạch băng tần có liên quan. Không phát triển mới hệ thống vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ Cố định, Di động trên băng tần 806-824 MHz, 851-869 MHz. Các tổ chức, cá nhân hiện đang sử dụng các hệ thống vô tuyến điện hoạt động trong băng tần 806-824 MHz, 851-869 MHz phải có kế hoạch chuyển đổi theo thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông. Riêng các hệ thống phục vụ mục đích an ninh được tiếp tục sử dụng các băng tần 806-821 MHz, 851-866 MHz đến khi có hệ thống thay thế.

VTN8A[100] Việc sử dụng băng tần 960-1164 MHz cho nghiệp vụ Di động hàng không (R) được giới hạn cho các hệ thống hoạt động tuân theo các tiêu chuẩn hàng không quốc tế. Việc sử dụng này phải tuân thủ Nghị quyết **417** (Rev.WRC-15). Khi ấn định tần số cho nghiệp vụ Di động hàng không (R), cần lưu ý phối hợp để đảm bảo không gây nhiễu có

[97 98] Chú thích này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[99 100 101] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

hại tới nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không đã được triển khai ở băng tần này.

VTN8B Các hệ thống vô tuyến dẫn đường hiện đang hoạt động trong băng tần 750-820MHz và 870-960MHz chỉ được tiếp tục sử dụng trên cơ sở phối hợp với các hệ thống vô tuyến điện được phân chia trong các băng tần này để hạn chế nhiễu có hại. Không triển khai mới hệ thống vô tuyến dẫn đường trong các băng tần này.

VTN9[101] Các băng tần 1427-1518 MHz, 1900-2010 MHz, 2110-2200 MHz, 2300-2400 MHz và 2500-2690 MHz được dành cho các hệ thống thông tin di động IMT để phát triển kinh tế - xã hội. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam trong các băng tần này phải tuân thủ quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

VTN9A[102] ***(được bãi bỏ)***

VTN11 Băng tần 2400-2483,5 MHz được dành cho các ứng dụng công nghiệp, khoa học, y tế (ISM), các hệ thống vi ba trải phổ và các hệ thống truy nhập vô tuyến. Các hệ thống thông tin vô tuyến khai thác trong băng tần này phải chấp nhận nhiễu có hại từ các ứng dụng ISM.

VTN12[103] ***(được bãi bỏ)***

VTN13 Nghiệp vụ Cố định trong các băng tần 5250-5255 MHz, 5255-5350 MHz và 5650-5850 MHz chỉ giới hạn để triển khai các hệ thống truy nhập vô tuyến cố định (FWA).

VTN14 Nghiệp vụ Di động trong các băng tần 5150-5350 MHz, 5470-5725 MHz và 5725-5850 MHz chỉ giới hạn để triển khai các hệ thống truy nhập vô tuyến (WAS) bao gồm cả các mạng LAN vô tuyến (WLAN).

VTN15 Nghiêm cấm triển khai thêm các hệ thống có phát xạ trong băng tần 2690-2700 MHz. Các hệ thống có phát xạ hiện đang khai thác trong băng tần này phải chấm dứt hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan quản lý tần số.

---

[102] [103] Chú thích này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

VTN15A[104] Băng tần 3300-3400 MHz được dành cho hệ thống thông tin di động IMT và hệ thống truy cập vô tuyến băng rộng. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam trong băng tần này phải tuân thủ quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

VTN16 Các băng tần số sau được ưu tiên sử dụng cho các hệ thống hoạt động trong nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh:

3400-3700 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

6425-6725 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

10700-11700 MHz (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất)

12750-13250 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

13750- 14000 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

14250-14500 MHz (chiều từ Trái đất tới Vũ trụ)

Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh nằm trong các băng tần xuống nêu trên (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất) phải có bộ lọc thu đạt tiêu chuẩn về lọc các tín hiệu ngoài băng.

Các hệ thống thuộc các nghiệp vụ khác hoạt động trong băng tần này không được gây nhiễu có hại cho các hệ thống thuộc nghiệp vụ Cố định qua vệ tinh và không được kháng nghị nhiễu đối với các hệ thống cố định qua vệ tinh.

VTN18[105] Băng tần 4800-4990 MHz được dành cho hệ thống thông tin di động IMT. Băng tần 4940-4990 MHz cũng được sử dụng cho các hệ thống thông tin phục vụ an ninh công cộng và phòng chống thiên tai (PPDR). Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam trong băng tần 4800-4990 MHz phải tuân thủ quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

---

[104] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[105] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

VTN19 Kể từ ngày 01/01/2017, các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải hoạt động trong các băng tần 4063-4438 kHz, 6200-6525 kHz, 8195-8815 kHz, 12230-13200 kHz, 16360-17410 kHz, 18780-19800 kHz, 22000-22855 kHz, 25070-26175 kHz thực hiện việc chuyển đổi theo quy định tại Phụ lục **17** của Thể lệ vô tuyến điện.

VTN20[106] Các hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải hoạt động trong các băng tần 156,00-157,45 MHz và 160,60-162,05 MHz thực hiện việc chuyển đổi theo quy định tại Phụ lục **18** của Thể lệ vô tuyến điện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, tần số 161,95 MHz (kênh 2027) và tần số 162 MHz (kênh 2028) được dành cho kênh ASM1 và kênh ASM2 tương ứng.

VTN21[107] Băng tần 5030-5091 MHz được định hướng sử dụng cho hệ thống thông tin vô tuyến điều khiển máy bay không người lái theo nghiệp vụ di động hàng không (R).

VTN22[108] Không ấn định mới tần số trong băng tần 405,9-406,0 MHz và 406,1-406,2 MHz cho hệ thống thuộc nghiệp vụ Di động và Cố định. Cấm tất cả phát xạ có khả năng gây nhiễu có hại cho thiết bị thông tin vô tuyến an toàn cứu nạn sử dụng băng tần 406-406,1 MHz.

VTN23[109] Đối với việc lắp đặt mới trạm mặt đất thu tín hiệu từ hệ thống thông tin vô tuyến thuộc nghiệp vụ Thăm dò Trái đất qua vệ tinh (chiều từ Vũ trụ tới Trái đất), cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, cấp phép vị trí đặt trạm, cần lấy ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông về vị trí đặt trạm, tần số thu, phát của trạm mặt đất để bảo đảm an toàn cho các hệ thống vô tuyến điện hoạt động cùng băng tần.

---

[106] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

[107] [108] [109] Chú thích này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

3. Các chú thích của liên minh viễn thông quốc tế có liên quan

5.53 Các cơ quan quản lý cho phép sử dụng các tần số dưới 8,3 kHz phải đảm bảo không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ được phân chia ở các băng tần trên 8,3 kHz. (WRC-12)

5.54 Các cơ quan quản lý tiến hành nghiên cứu khoa học sử dụng các tần số dưới 8,3 kHz phải thông báo cho các cơ quan quản lý khác có liên quan để đảm bảo nghiên cứu đó được bảo vệ phù hợp khỏi nhiễu có hại. (WRC-12)

5.54A Các đài hoạt động ở băng tần 8,3-11,3 kHz thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng chỉ được phép hoạt động ở chế độ thụ động. Ở băng 9-11,3 kHz, các đài Trợ giúp khí tượng không được kháng nghị nhiễu từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường đăng ký với Cục Vô tuyến điện (The Bureau of ITU-R) trước ngày 01 tháng 01 năm 2013. Áp dụng phiên bản mới nhất của Khuyến nghị **ITU-R RS.1881** đối với việc dùng chung giữa các đài thuộc nghiệp vụ Trợ giúp khí tượng và các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường đăng ký sau ngày nêu trên. (WRC-12)

5.54B[110] *Phân chia bổ sung:* ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, Ba-ranh, Ai Cập, A-rập thống nhất, Liên bang Nga, I-ran, I-rắc, Cô-oét, Li-băng, Ma-rốc, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Xu-đăng và Tuy-ni-di, băng tần 8,3-9 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường, Cố định, Di động làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.54C *Phân chia bổ sung:* ở Trung Quốc, băng tần 8,3-9 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải và nghiệp vụ Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.55[111] *Phân chia bổ sung:* ở Ác-mê-ni-a, Liên bang Nga, Giê-oóc-gi-a, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 14-17 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.56 Các đài thuộc các nghiệp vụ đã được phân chia ở các băng tần 14-19,95 kHz và 20,05-70 kHz và ở Khu vực 1 là các băng tần 72-84 kHz và 86-90 kHz có thể

---

[110] [111] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian. Các đài này phải được bảo vệ khỏi nhiễu có hại. Ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, các tần số 25 kHz và 50 kHz sẽ được sử dụng cho mục đích này trong những điều kiện tương tự. (WRC-12)

5.57 Việc sử dụng các băng tần 14-19,95 kHz, 20,5-70 kHz và 70-90 kHz (72-84 kHz và 86-90 kHz ở Khu vực 1) cho nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho các đài bờ thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện báo (chỉ sử dụng phương thức phát A1A và F1B). Trong trường hợp đặc biệt, các phát xạ loại J2B hoặc J7B được cho phép với điều kiện độ rộng băng tần cần thiết không vượt quá độ rộng băng tần thường được sử dụng cho các phát xạ loại A1A hoặc F1B trong băng tần tương ứng.

5.58 *Phân chia bổ sung:* ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Nga, Gru-di-a, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, băng tần 67-70 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ chính. (WRC-2000)

5.59 *Loại nghiệp vụ khác:* ở Băng-la-đét và Pa-ki-xtan các băng tần 70-72 kHz và 84-86 kHz được phân chia cho các nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính (xem chú thích **5.33**). (WRC-2000)

5.60 Trong các băng tần 70-90 kHz (70-86 kHz ở Khu vực 1) và 110-130 kHz (112-130 kHz ở Khu vực 1), các hệ thống vô tuyến dẫn đường bằng cách tạo xung có thể được khai thác với điều kiện không gây nhiễu có hại cho các nghiệp vụ khác được phân chia các băng tần này.

5.62 Các cơ quan quản lý đang khai thác các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường trong băng tần 90-110 kHz cần phối hợp các đặc tính kỹ thuật và khai thác để tránh nhiễu có hại cho các nghiệp vụ được cung cấp bởi các đài này.

5.64 Chỉ các loại phát xạ A1A hoặc F1B, A2C, A3C, F1C hoặc F3C được phép sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định trong các băng tần đã được phân chia cho nghiệp vụ này trong khoảng giữa 90 kHz và 160 kHz (148,5 kHz ở Khu vực 1) và cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải trong các băng tần đã được phân chia cho nghiệp vụ này trong khoảng giữa 110 kHz và 160 kHz (148,5 kHz ở Khu vực 1). Trong trường hợp đặc biệt, các loại phát xạ J2B hoặc J7B cũng được

phép sử dụng ở các băng tần trong khoảng giữa 110 kHz và 160 kHz (148,5 ở Khu vực 1) cho các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải.

5.65 *Loại nghiệp vụ khác:* ở Băng-la-đét, băng tần 112-117,6 kHz và băng tần 126-129 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải làm nghiệp vụ chính (xem chú thích **5.33**). (WRC-2000)

5.67 *Phân chia bổ sung:* ở Mông Cổ, Cư-rơ-gư-xtan và Tuốc-mê-ni-xtan, các băng tần 130-148,5 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường làm nghiệp vụ phụ. Ở trong và giữa các nước này, nghiệp vụ này có quyền hoạt động như nhau.

5.67A Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng các tần số trong băng 135,7-137,8 kHz không được vượt quá mức công suất phát xạ tối đa 1 W (e.i.r.p) và không được gây nhiễu có hại cho các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hoạt động tại các nước có danh sách tại chú thích **5.67**. (WRC-07)

5.67B Việc sử dụng các băng tần 135,7-137,8 kHz ở An-giê-ri, Ai Cập, I-ran, I-rắc, Li-băng, Xy-ri, Xu-đăng, Nam Xu-đăng và Tuy-ni-di được giới hạn cho các nghiệp vụ Cố định và Di động hàng hải. Nghiệp vụ Nghiệp dư không được sử dụng tại các nước trên trong băng tần 135,7-137,8 kHz, các quốc gia cho phép sử dụng nghiệp vụ này phải lưu ý vấn đề trên. (WRC-12)

5.68[112] *Phân chia thay thế:* ở Cộng hòa Công-gô, Cộng hòa Dân chủ Công-gô và Nam Phi, băng tần 160-200 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định làm nghiệp vụ chính. (WRC-15)

5.70 *Phân chia thay thế:* ở Ăng-gô-la, Bốt-xoa-na, Bu-run-đi, Cộng hòa Trung Phi, Cộng hòa Công-gô, Ê-ti-ô-pi-a, Kê-ni-a, Lê-xô-thô, Ma-đa-gát-xca, Ma-la-uy, Mô-dăm-bích, Nam-mi-bi-a, Ni-giê-ri-a, Ô-man, Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Nam Phi, Xoa-di-len, Tan-da-ni-a, Sát, Dăm-bi-a và Dim-ba-bu-ê, băng tần 200-283,5 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

---

[112] Chú thích này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

5.73 Băng tần 285-325 kHz (283,5-325 kHz ở Khu vực 1) thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải có thể được sử dụng để truyền thông tin dẫn đường bổ trợ sử dụng kỹ thuật băng hẹp, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho các đài dẫn đường đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường. (WRC-97)

5.76 Tần số 410 kHz được dành riêng cho vô tuyến định hướng trong nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng hải. Các nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường khác được phân chia băng tần 405-415 kHz không được gây nhiễu có hại cho vô tuyến định hướng trong băng tần 406,5-413,5 kHz.

5.77 *Loại nghiệp vụ khác:* ở Ô-xtơ-rây-li-a, Trung Quốc, vùng lãnh thổ hải ngoại của Pháp ở Khu vực 3, Hàn Quốc, Ấn Độ, I-ran, Nhật Bản, Pa-ki-xtan, Pa-pu-a Niu Ghi-nê và Xri Lan-ca, băng tần 415-495 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. Ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-dan, Bê-la-rút, Liên bang Nga, Ca-dắc-xtan, Lát-vi-a, U-dơ-bê-ki-xtan và Cư-rơ-gư-xtan, băng tần 435-495 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính. Các cơ quan quản lý ở các nước nêu trên phải có những biện pháp phù hợp để đảm bảo các đài vô tuyến dẫn đường hàng không trong băng tần 435-495 kHz không được gây nhiễu có hại cho việc thu tín hiệu của các đài bờ từ các đài tàu đang phát trên các tần số được dành riêng trên toàn cầu. (WRC-12)

5.78 *Loại nghiệp vụ khác:* ở Cu-ba, Hoa Kỳ và Mê-hi-cô, băng tần 415-435 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ chính.

5.79 Việc sử dụng các băng tần 415-495 kHz và 505-526,5 kHz (505-510 kHz ở Khu vực 2) cho nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho vô tuyến điện báo.

5.79A Khi thiết lập các đài bờ cung cấp dịch vụ NAVTEX trên các tần số 490 kHz, 518 kHz và 4209,5 kHz, khuyến nghị các cơ quan quản lý phối hợp các đặc tính khai thác phù hợp với các thủ tục của tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) (xem Nghị quyết **339** (Rev.WRC-07)). (WRC-07)

5.80 Ở Khu vực 2, việc sử dụng băng tần 435-495 kHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không được giới hạn cho các pha vô tuyến vô hướng không sử dụng để truyền tín hiệu thoại.

5.80A Công suất phát xạ đẳng hướng tương đương cực đại (e.i.r.p.) của các đài phát thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư dùng các tần số trong băng 472-479 kHz không được vượt quá 1 W. Cơ quan quản lý có thể tăng giới hạn của e.i.r.p. tới 5 W tỷ lệ với lãnh thổ khi cách xa hơn 800 km tính từ biên giới của An-giê-ri, A-rập Xê-út, A-déc-bai-dan, Ba-ranh, Bê-la-rút, Trung Quốc, Cômô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Liên bang Nga, I-ran (Cộng hòa hồi giáo), I-rắc, Gióoc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-rốc, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Cư-rơ-gư-xtan, Xô-ma-li, Xu-đăng, Tuy-ni-di, U-crai-na và Y-ê-men. Ở băng tần này, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không. (WRC-12)

5.80B Việc sử dụng băng tần 472-479 kHz ở An-giê-ri, A-rập Xê-út, A-déc-bai-dan, Ba-ranh, Bê-la-rút, Trung Quốc, Cômô, Gi-bu-ti, Ai Cập, A-rập Thống nhất, Liên bang Nga, I-rắc, Gióoc-đa-ni, Ca-dắc-xtan, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Mô-ri-ta-ni, Ô-man, U-dơ-bê-ki-xtan, Ca-ta, Cộng hòa A-rập Xy-ri, Cư-rơ-gư-xtan, Xô-ma-li, Xu-đăng, Tuy-ni-di và Y-ê-men được giới hạn cho các nghiệp vụ Di động hàng hải và Vô tuyến dẫn đường hàng không. Nghiệp vụ Nghiệp dư không được sử dụng trong băng tần này ở các quốc gia nêu trên, và các quốc gia cho phép sử dụng nghiệp vụ này phải lưu ý vấn đề trên. (WRC-12)

5.82 Trong nghiệp vụ Di động hàng hải, tần số 490 kHz được sử dụng riêng cho các đài bờ truyền dẫn cảnh báo khí tượng, dẫn đường và thông tin khẩn cấp cho các tàu bằng điện báo truyền chữ trực tiếp băng hẹp. Các điều kiện để sử dụng tần số 490 kHz được quy định tại các Điều **31** và **52**. Khi sử dụng băng tần 415-495 kHz cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không, các cơ quan quản lý phải đảm bảo không gây nhiễu có hại tần số 490 kHz. Khi sử dụng băng tần 472-479 kHz cho nghiệp vụ Nghiệp dư, các cơ quan quản lý phải đảm bảo không gây nhiễu có hại tần số 490 kHz. (WRC-12)

5.84 Các điều kiện để sử dụng tần số 518 kHz bởi nghiệp vụ Di động hàng hải được quy định tại các Điều **31** và **52**. (WRC-07)

5.88 *Phân chia bổ sung:* ở Trung Quốc, băng tần 526,5-535 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến dẫn đường hàng không làm nghiệp vụ phụ.

5.91 *Phân chia bổ sung:* ở Phi-líp-pin và Xri Lan-ca, băng tần 1606,5-1705 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Quảng bá làm nghiệp vụ phụ. (WRC-97)

5.97 Ở Khu vực 3, hệ thống Loran cũng được khai thác trên tần số 1850 kHz hoặc 1950 kHz, băng tần chiếm dụng tương ứng là 1825-1875 kHz và 1925-1975 kHz. Các nghiệp vụ khác được phân chia băng tần 1800-2000 kHz có thể sử dụng bất cứ tần số nào trong đó, với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho hệ thống Loran đang khai thác trên tần số 1850 kHz hoặc 1950 kHz.

5.105 Ở Khu vực 2, trừ Băng đảo, các đài bờ và đài tàu sử dụng vô tuyến điện thoại trong băng tần 2065-2107 kHz chỉ được sử dụng loại phát xạ J3E với công suất đường bao đỉnh không vượt quá 1 kW. Tốt nhất là nên sử dụng các tần số sóng mang sau: 2065,0 kHz, 2079,0 kHz, 2082,5 kHz, 2086,0 kHz, 2093,0 kHz, 2096,5 kHz, 2100,0 kHz, và 2103,5 kHz. Ở Ác-hen-ti-na và U-ru-goay, các tần số sóng mang 2068,5 kHz và 2075,5 kHz cũng được sử dụng cho mục đích này, trong khi các tần số nằm trong băng tần 2072-2075,5 kHz được sử dụng theo quy định trong khoản **52.165**.

5.106 Ở Khu vực 2 và 3, với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải, các tần số trong khoảng 2065 kHz và 2107 kHz có thể được sử dụng cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định và chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia với công suất trung bình không vượt quá 50 W. Về việc thông báo các tần số, Cục Vô tuyến điện phải chú ý đến các điều khoản này.

5.108 Tần số sóng mang 2182 kHz là tần số cứu nạn và gọi quốc tế cho vô tuyến điện thoại. Các điều kiện để sử dụng băng tần 2173,5-2190,5 kHz được quy định tại các Điều **31,52**. (WRC-07)

5.109 Các tần số 2187,5 kHz, 4207,5 kHz, 6312 kHz, 8414,5 kHz, 12577 kHz và 16804,5 kHz là các tần số cứu nạn quốc tế sử dụng kỹ thuật gọi chọn số. Điều kiện để sử dụng các tần số này quy định tại Điều **31**.

5.110 Các tần số 2174,5 kHz, 4177,5 kHz, 6268 kHz, 8376,5 kHz, 12520 kHz và 16695 kHz là các tần số cứu nạn quốc tế sử dụng kỹ thuật điện báo truyền chữ trực tiếp băng hẹp. Điều kiện để sử dụng tần số này quy định tại Điều **31**.

5.111 Các tần số sóng mang 2182 kHz, 3023 kHz, 5680 kHz, 8364 kHz và các tần số 121,5 MHz, 156,525 MHz, 156,8 MHz, 243 MHz cũng có thể được sử dụng

cho các hoạt động tìm kiếm cứu nạn liên quan đến các tàu vũ trụ có người điều khiển phù hợp với các thủ tục có hiệu lực đối với nghiệp vụ thông tin vô tuyến mặt đất. Các điều kiện để sử dụng tần số này quy định tại Điều **31**.

Áp dụng tương tự cho các tần số 10003 kHz, 14993 kHz và 19993 kHz, nhưng trong mọi trường hợp các phát xạ phải được giới hạn trong khoảng ±3 kHz xung quanh tần số này. (WRC-07)

5.112 *Phân chia thay thế:* ở Đan Mạch và Xri Lan-ca, băng tần 2194-2300 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.113 Về điều kiện để sử dụng các băng tần 2300-2495 kHz (2498 kHz ở Khu vực 1), 3200-3400 kHz, 4750-4995 kHz và 5005-5060 kHz cho nghiệp vụ Quảng bá, xem các chú thích từ **5.16** đến **5.20**, **5.21** và từ **23.3** đến **23.10**.

5.115 Các tần số sóng mang (chuẩn) 3023 kHz và 5680 kHz cũng có thể được sử dụng bởi các đài thuộc nghiệp vụ Di động hàng hải đang phối hợp tìm kiếm và cứu nạn phù hợp với Điều **31**. (WRC-07)

5.116 Yêu cầu các cơ quan quản lý cho phép sử dụng băng tần 3155-3195 kHz để cung cấp một kênh chung trên toàn cầu cho các thiết bị trợ thính sử dụng vô tuyến điện công suất thấp. Các kênh bổ sung cho các thiệt bị này có thể được các cơ quan quản lý ấn định trong các băng tần giữa 3155 kHz và 3400 kHz để đáp ứng các nhu cầu cục bộ.

Cần chú ý rằng các tần số trong dải tần từ 3000 kHz đến 4000 kHz thích hợp với các thiết bị trợ thính được thiết kế để hoạt động ở cự ly ngắn trong phạm vi trường cảm ứng.

5.117 *Phân chia thay thế:* ở Bờ Biển Ngà, Đan Mạch, Ai Cập, Li-bê-ri-a, Xri Lan-ca và Tô-gô, băng tần 3155-3200 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Cố định và Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính. (WRC-12)

5.118 *Phân chia bổ sung:* ở Hoa Kỳ, Mê-hi-cô, Pê-ru và U-ru-goay, băng tần 3230-3400 kHz cũng được phân chia cho nghiệp vụ Vô tuyến định vị làm nghiệp vụ phụ. (WRC-03)

5.126 Ở Khu vực 3, các đài thuộc các nghiệp vụ được phân chia băng tần 3995-4005 kHz có thể phát tần số chuẩn và tín hiệu thời gian.

5.127 Việc sử dụng băng tần 4000-4063 kHz cho nghiệp vụ Di động hàng hải được giới hạn cho các đài tàu sử dụng phương thức vô tuyến điện thoại (xem khoản **52.220** và Phụ lục **17**).

5.128 Các tần số trong các băng tần 4063-4123 kHz và 4130-4438 kHz được sử dụng ngoại lệ bởi các đài thuộc nghiệp vụ Cố định chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, với công suất trung bình không vượt quá 50 W, với điều kiện không được gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải. Ngoài ra, ở Áp-ga-ni-xtan, Ác-hen-ti-na, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Bốt-xoa-na, Buốc-ki-na Pha-xô, Cộng hòa Trung Phi, Trung Quốc, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ấn Độ, Ca-dắc-xtan, Ma-li, Ni-giê, Pa-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Sát, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, trong các băng tần 4063-4123 kHz, 4130-4133 kHz và 4408-4438 kHz, các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, với công suất trung bình không vượt quá 1 kW, có thể được khai thác với điều kiện chúng được đặt cách bờ biển ít nhất 600 km và không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải. (WRC-07)

5.130 Điều kiện để sử dụng các tần số sóng mang 4125 kHz và 6215 kHz được quy định tại các Điều **31** và**52**. (WRC-07)

5.131 Tần số 4209,5 kHz được dùng riêng cho việc phát các thông tin thông báo khí tượng, dẫn đường và thông tin khẩn cấp của các đài bờ cho các đài tàu bằng kỹ thuật điện báo truyền chữ trực tiếp băng hẹp. (WRC-97)

5.132 Các tần số 4210 kHz, 6314 kHz, 8416,5 kHz, 12579 kHz, 16806,5 kHz, 19680,5 kHz, 22376 kHz và 26100,5 kHz là các tần số quốc tế để truyền phát thông tin an toàn hàng hải (MSI) (xem Phụ lục **17**).

5.132A Các đài thuộc nghiệp vụ Vô tuyến định vị không được gây nhiễu có hại cho, hoặc kháng nghị nhiễu có hại từ các đài đang hoạt động thuộc nghiệp vụ Cố định hoặc Di động. Các ứng dụng của nghiệp vụ Vô tuyến định vị được giới hạn cho ra-đa hải dương học hoạt động phù hợp với Nghị quyết **612** (Rev.WRC-12). (WRC-12)

5.133 *Loại nghiệp vụ khác:* ở Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Nga, Giê-oóc-gi-a, Ca-dắc-xtan, Lát-vi-a, Lít-va, Ni-giê, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và U-crai-na, băng tần 5130-5250 kHz được phân chia cho nghiệp vụ Di động, trừ Di động hàng không, làm nghiệp vụ chính (xem chú thích **5.33**). (WRC-12)

5.133B[113] Các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không được vượt quá công suất bức xạ cực đại 15 W (e.i.r.p). Tuy nhiên, ở Khu vực 2 ở Mê-xi-cô, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không vượt quá công suất bức xạ cực đại 20 W (e.i.r.p). Ở các nước Khu vực 2 sau đây: An-ti-goa và Bác-bu-đa, Ác-hen-ti-na, Ba-ha-mát, Bác-ba-đốt, Bê-li-xê, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Chi-lê, Cô-lôm-bi-a, Cốt-xta Ri-ca, Cu-ba, Cộng hòa Đô-mi-ni-ca-na, Đô-mi-ni-ca, En Xan-va-đo, Ê-cu-a-đo, Grê-na-đa, Goa-tê-ma-la, Gai-a-na, Ha-i-ti, Ôn-đu-rát, Gia-mai-ca, Ni-ca-ra-goa, Pa-na-ma, Pa-ra-goay, Pê-ru, Xanh Lu-xi-a, Liên bang Xanh Kít và Nê-vit, Xanh Vin-xen và Grê-na-din, Xu-ri-nam, Tri-ni-đát và Tô-ba-gô, U-ru-goay, Vê-nê-xu-ê-la, cũng như lãnh thổ hải ngoại trên Khu vực 2 của Hà Lan, các đài thuộc nghiệp vụ Nghiệp dư sử dụng băng tần 5351,5-5366,5 kHz không vượt quá công suất bức xạ cực đại 25 W (e.i.r.p). (WRC 15)

5.134 Việc sử dụng các băng tần 5900-5950 kHz, 7300-7350 kHz, 9400-9500 kHz, 11600-11650 kHz, 12050-12100 kHz, 13570-13600 kHz, 13800-13870 kHz, 15600-15800 kHz, 17480-17550 kHz và 18900-19020 kHz cho nghiệp vụ Quảng bá phải tuân theo các thủ tục trong Điều **12**. Khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng các băng tần này để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các phát xạ điều chế số phù hợp với các điều khoản của Nghị quyết **517** (Rev.WRC-07). (WRC-07)

5.136 *Phân chia bổ sung:* các tần số trong băng tần 5900-5950 kHz có thể được sử dụng cho các đài chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia mà các đài này được lắp đặt, và thuộc các nghiệp vụ sau: ở cả ba Khu vực, cho nghiệp vụ Cố định, ở Khu vực 1, nghiệp vụ Di động mặt đất, ở Khu vực 2 và 3, nghiệp vụ Di động trừ Di động hàng không (R) với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Quảng bá. Khi sử dụng tần số cho các nghiệp vụ này, khuyến nghị các cơ quan quản lý sử dụng công suất tối thiểu cần thiết và lưu ý đến việc sử dụng tần số theo mùa bởi nghiệp vụ Quảng bá đã được công bố phù hợp với Thể lệ vô tuyến điện. (WRC-07)

---

[113] Chú thích này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

5.137 Với điều kiện không gây nhiễu có hại cho nghiệp vụ Di động hàng hải, các băng tần 6200-6213,5 kHz và 6220,5-6525 kHz có thể được sử dụng ngoại lệ cho các đài thuộc nghiệp vụ Cố định, chỉ liên lạc trong phạm vi biên giới quốc gia với công suất trung bình không vượt quá 50 W. Khi thông báo các tần số này, Cục vô tuyến điện phải chú ý đến các điều kiện trên.

5.138 Các băng tần sau đây:

6765-6795 kHz	(tần số trung tâm 6780 kHz),
433,05-434,79 MHz	(tần số trung tâm 433,92 MHz) ở Khu vực 1 trừ các nước được nêu trong khoản 5.280
61-61,5 GHz	(tần số trung tâm 61,25 GHz),
122-123 GHz	(tần số trung tâm 122,5 GHz), và
244-246 GHz	(tần số trung tâm 245 GHz)

Được dành cho các ứng dụng Công nghiệp, Khoa học và Y tế (ISM). Việc sử dụng các băng tần này cho các ứng dụng ISM phải được sự cho phép đặc biệt của cơ quan quản lý liên quan, theo sự thỏa thuận với các cơ quan quản lý khác có các nghiệp vụ thông tin vô tuyến có thể bị ảnh hưởng. Khi áp dụng điều khoản này, các cơ quan quản lý cần lưu ý đến các Khuyến nghị ITU-R mới nhất có liên quan.

(Xem tiếp Công báo số 311 + 312)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng